

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HS-PT

Ngày: 01-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Trần Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2023/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Trần Thị H**, sinh năm 1968 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 168/AB ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre); nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (chết) và bà Hồ Thị R; chồng: Nguyễn Văn N (đã ly hôn); con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số B, Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre; vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị H và Công ty cổ phần Đ (Công ty Đ) ở Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre do ông Trương Văn T1 làm giám đốc (là người đại diện theo pháp luật) hợp tác làm ăn mua bán ngêu và xảy ra tranh chấp. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 26/02/2021, Tòa án nhân dân

huyện Thanh Phú tuyên buộc Công ty Đ phải trả cho Trần Thị H 1.095.278.000 đồng. Bản án có hiệu lực pháp luật được Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T đang thụ lý giải quyết. Đến ngày 25/02/2022, Công ty Đ còn phải trả cho Trần Thị H số tiền 59.420.800 đồng. Tuy nhiên, Trần Thị H cho rằng vợ chồng ông Trương Văn T1 là người thiếu nợ nên vào khoảng 06 giờ 40 phút ngày 03/6/2022, khi bà Nguyễn Thị T (vợ ông T1) là người trực tiếp thu mua nghêu bên huyện T rồi thuê ghe chở đến khu vực bến C thuộc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre bán lại cho chị Trần Thị L. Khi chị L đang mua được 536kg nghêu thịt nguyên vỏ thì Trần Thị H đến ngăn cản, đòi lấy nghêu để trừ nợ thì giữa H và bà T xảy ra cự cãi lớn tiếng qua lại. Bà T không đồng ý để H lấy nghêu thì H đe dọa nếu không cho lấy nghêu thì sẽ xô T xuống sông, nên bà T hoảng sợ im lặng rồi H kêu những người làm công gồm Huỳnh Văn T2, Trần Văn L1, Nguyễn Văn C, Võ Hoàng T3 cùng con trai Nguyễn Quốc H1 xuống ghe lấy 2.350kg nghêu thịt nguyên vỏ đưa lên xe tải do con rể Nguyễn Đức M điều khiển chở về nhà. Sau đó đem lên Thành phố Hồ Chí Minh bán. Còn bà T làm đơn tố giác hành vi của Trần Thị H đến Công an huyện B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận 2.350kg nghêu thịt nguyên vỏ (loại 62 đến 66 con/01kg) trị giá 61.100.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2023/HS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Trần Thị Hà p “Tội cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/9/2023, bị cáo Trần Thị H kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định của bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị H 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo ở nhà để chăm sóc nuôi dưỡng mẹ già và lo cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: ngày 03/6/2022, tại bến cầu V, thuộc ấp T, xã T, huyện B, trong lúc đang diễn ra việc mua bán nghêu giữa bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị L, bị cáo Trần Thị H đã chiếm đoạt số nghêu thịt nguyên vỏ có khối lượng 2350kg để khấu trừ khoản nợ mà ông Trương Văn T1 (chồng của bà T) là giám đốc Công ty Đ còn nợ của bị cáo dù chị T không đồng ý cho bị cáo lấy số nghêu để trừ nợ. Bị cáo có nói “mày nói một chút nữa tao xuống đập mày rớt xuống sông” và có hành vi đưa theo nhiều người đến ngăn cản không cho bà T bán nghêu cho người khác, có lời nói đe dọa sẽ dùng vũ lực để uy hiếp tinh thần của bà T để chiếm đoạt 2.350kg nghêu thịt nguyên vỏ trị giá 61.100.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” thuộc khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Thấy rằng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có nộp thêm toa thuốc thể hiện bị cáo bị bệnh suy giáp, bứu giáp đơn nhân lành tính, bệnh trào ngược dạ dày thực quản và một đơn xác nhận bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách địa phương, là con của Liệt sĩ và là lao động chính trong gia đình nuôi dưỡng chăm sóc mẹ già gần 80 tuổi; bị hại có đơn bãi nại, đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại theo bản án sơ thẩm quyết định là 61.100.000 đồng. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có nhiều người thân tham gia cách mạng, trong đó ông ngoại và cha của bị

cáo đã hy sinh được Nhà nước công nhận liệt sĩ. Bị cáo là lao động chính trong gia đình tạo ra thu nhập nuôi dưỡng mẹ già 80 tuổi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo được hưởng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới như: thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối hận nên đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Đối chiếu với Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị của bị hại và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 (ba) năm tù về “Tội cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 01/11/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Trần Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (3b);
- Công an huyện B (1b);
- VKSND huyện B (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND tt. T, huyện B (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn